



shù yè
树叶

noun · tree leaves

Example Sentences

shù yè zài hán fēng zhōng diāo líng
树叶在寒风中凋零。

Leaves withered and fell in the cold wind

shù yè zài hú miàn shàng piāo fú
树叶在湖面上漂浮。

Leaves float on the lake surface.

shù yè cóng shù shàng piāo luò xià lái
树叶从树上飘落下来。

Leaves drift down from the tree.

Trace each character, then write the word on your own.

树	树	树	树	树	树	树	树	树	树	树
树										
叶	叶	叶	叶	叶	叶	叶	叶			